ĐỔI MỚI TƯ DUY LẬP PHÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KỶ NGUYÊN MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN THỊ QUYÊN
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 07/5/2025. Sửa chữa xong 11/5/2025. Duyệt đăng 15/5/2025.

Abstract

Legislation is a foundational institutional activity that enables the state to govern society and provides a legal framework for individuals and organizations to protect their legitimate rights. In the new era of Vietnam's development, renewing legislative thinking has become an essential and timely requirement. This article analyzes the concept, requirements, necessity, content, international experience, and ensuring factors related to legislative innovation in Vietnam in response to the demands of the new era.

Keywords: *Innovation, legislative thinking, response, requirements, new era, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Lập pháp là hoạt động kiến tạo thể chế nền tảng giúp nhà nước quản trị xã hội và là cơ sở để mọi cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Thể chế được ban hành kịp thời, phù hợp, có tầm nhìn, khả năng dự báo và định hướng chiến lược sẽ góp phần "soi đường" cho dân tộc vươn đến những mục tiêu, lý tưởng tốt đẹp. Thể chế hoàn thiện sẽ tạo môi trường pháp lý quan trọng, đảm bảo quyền, lợi ích của con người, tạo động lực thúc đẩy các lĩnh vực phát triển. Ngược lại nếu thể chế bảo thủ, lạc hậu, không đáp ứng thực tiễn sẽ là những rào cản, cản trở sự phát triển và sức sáng tạo của Nhân dân, gây những mâu thuẫn, xung đột xã hội. Để có hệ thống thể chế đáp ứng các vai trò trên, việc đổi mới tư duy lập pháp cần được đặt ra và nghiên cứu kĩ lưỡng nhằm giúp xác định khái niệm, các yêu cầu, sự cần thiết, nội dung, kinh nghiệm quốc tế, yếu tố bảo đảm của đổi mới tư duy lập pháp ở Việt Nam đáp ứng các điều kiện của Kỷ nguyên mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các yêu cầu của kỷ nguyên mới đối với đổi mới tư duy lập pháp ở Việt Nam hiện nay

Kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại [2].

Kỷ nguyên mới đặt ra bảy định hướng chiến lược cho Việt Nam: cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng; hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN); tinh gọn bộ máy nhà nước hiệu lực, hiệu quả; chuyển đổi số; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng lực lượng cán bộ; tăng

Email: quyentran.hd@gmail.com.

trưởng kinh tế bền vững. Trong khi những định hướng chiến lược này đặt ra trong Kỷ nguyên mới thì hệ thống thể chế của nước ta đang vướng một số vấn đề về tư duy: nhận thức về pháp luật còn theo cách truyền thống, chưa tiệm cận các giá trị tiến bộ của nhân loại và đáp ứng thực tiễn đặt ra; chủ thể xây dựng luật còn thiếu chuyên nghiệp; quy trình xây dựng luật chưa đủ thân thiện cho phép tham gia rộng rãi của giới tinh hoa và quần chúng Nhân dân; chưa xác định chính xác cách tiếp cận về lập pháp; tư duy về nguồn lực tài chính cho lập pháp còn mang tính "ăn đong", chưa có nguồn lực tài chính đủ cho lập pháp nên nhiều bước của lập pháp làm còn hình thức (phân tích chính sách, đánh giá tác động chính sách); phương thức lãnh đạo của Đảng với hoạt động lập pháp đôi khi còn làm thay; vấn đề kiểm soát quyền lực trong xây dựng luật còn là khoảng trống lớn.

2.2. Quan niệm về đổi mới tư duy lập pháp

2.2.1. Giúp con người nhận thức thế giới

Nhờ đổi mới tư duy lập pháp, các nhà lập pháp và các chủ thể trong xã hội có thể thu nhận thông tin, phân tích, đánh giá và hiểu được bản chất của các hiện tượng, sự vật xung quanh. Từ đó có thể hình thành những quan điểm, ý kiến của riêng mình về hoạt động lập pháp. Tư duy lập pháp thuộc tư duy lý luận và là trình độ phát triển cao của năng lực tư duy con người. Nó mang tính lịch sử, là sản phẩm của lịch sử và ở mỗi thời đại khác nhau là khác nhau. Ăng-ghen đã viết: "Tư duy lý luận của mỗi một thời đại, cũng có nghĩa là cả thời đại chúng ta, là một sản phẩm lịch sử mang những hình thức rất khác nhau trong những thời đại khác nhau và do đó có một nội dung rất khác nhau" [1, tr.20]. Điều đó đồng nghĩa với việc ông cho rằng, dù là một hình thức phát triển cao của tư duy nhưng tư duy lý luận không phải là một chân lý vĩnh viễn, không thay đổi được. Vì vậy, việc nghiên cứu về tư duy nói chung và tư duy lập pháp nói riêng cũng phải mang tính lịch sử, cũng có sự thay đổi gắn với điều kiện của mỗi thời đại khác nhau [1, tr. 487].

2.2.2. Là cơ sở để định hướng lập pháp

Đổi mới tư duy lập pháp giúp các nhà lập pháp và các chủ thể trong xã hội xác định mục tiêu, lập kế hoạch và lựa chọn phương hướng phù hợp để đạt được mục tiêu đó. Thực tiễn phát triển của nhân loại đã trải qua những nền văn minh khác nhau, từ nông nghiệp chuyển lên công nghiệp; nhân loại đã phát triển qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và nay đang bước sang cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). Đó là những nền tảng "vật chất" của quá trình đổi mới tư duy trong mỗi thời đại. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tư duy lập pháp chỉ là hệ quả và đi sau sự vận động của thực tiễn. Nếu tư duy lập pháp chỉ dựa trên kinh nghiệm thực tiễn thuần túy thì đó chỉ là chủ nghĩa kinh nghiệm thiếu sức sáng tạo. Quá trình phát triển của tư duy lập pháp còn dựa trên một nền tảng quan trọng khác, đó là sự phát triển của khoa học, tìm ra các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và của chính quá trình phát triển tư duy của con người; trên cơ sở đó, dự báo về sự phát triển trong tương lai, ban hành ra các quy định mang tính "tiên phong". Nhờ vậy, các nhà lập pháp và các chủ thể trong xã hội người có thể hành động một cách chủ động, hiệu quả và tránh được những sai lầm không mong muốn.

2.2.3. Giúp giải quyết vấn đề lập pháp

Đổi mới tư duy lập pháp giúp các nhà lập pháp và các chủ thể trong xã hội suy nghĩ vượt ra khỏi những giải pháp truyền thống và tìm ra các phương án mới. Bằng cách tưởng tượng, liên kết ý tưởng và suy luận logic, các nhà lập pháp có thể tạo ra các giải pháp đột phá. Đồng thời, nó cũng giúp đánh giá các giải pháp tiềm năng bằng cách xem xét ưu, nhược điểm, khả năng thực hiện và tác động dự kiến của từng giải pháp. Dựa trên quá trình này, có thể lựa chọn giải pháp tốt nhất.

Cơ sở của đổi mới tư duy lập pháp ở Việt Nam hiện nay:

Một là, đổi mới tư duy lập pháp phải trên cơ sở kinh nghiệm lập pháp của Việt Nam và các giá trị lập pháp tiến bộ trên thế giới. Những kinh nghiệm lập pháp được tích lũy đã đòi hỏi phải có sự hệ thống hóa và phải tìm ra một sự liên hệ bên trong tất yếu của nó. Thực hiện được điều đó cũng có nghĩa là tư duy lập pháp đã chuyển qua được giai đoạn kinh nghiệm lên giai đoạn mới cao hơn - giai đoạn tư duy lý luận.

Hai là, đổi mới tư duy lập pháp phải gắn liền với các ngành khoa học, nhất là khoa học tự nhiên.

Theo Ph. Ăng-ghen, việc gắn với sự phát triển khoa học sẽ giúp cho tư duy nắm được những quy luật và các mối liên hệ bên trong giữa các sự vật, hiện tượng. Ph. Ăng-ghen đã chỉ rõ: "Những thành tựu khoa học tự nhiên hiện đại đã chẳng bắt buộc bất kỳ một người nào nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng phải thừa nhận chúng, bắt buộc với một sức mạnh khiến các nhà khoa học tự nhiên hiện đại, dù họ muốn hay không - phải tiến tới những kết luận chung, đó sao?"5.

Ba là, đổi mới tư duy lập pháp không thể tách rời tư duy biện chứng duy vật. Đó là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại, phép biện chứng giúp cho tư duy của con người thấy được bản chất của giới tự nhiên là mối liên hệ tác động qua lại nhau, trong đó tồn tại xã hội quyết định tư duy và sự đổi mới tư duy. Điều đó tránh được những sai lầm trong hoạt động nhận thức về lập pháp.

Bốn là, muốn đổi mới tư duy lập pháp phải có sự nghiên cứu một cách nghiêm túc toàn bộ lịch sử triết học. Theo Ph. Ăng-ghen, tư duy lý luận ở mỗi chúng ta chỉ tồn tại dưới dạng năng lực tiềm tàng, không phải tự nhiên mà có, nên việc nghiên cứu một cách nghiêm túc lịch sử triết học của nhân loại sẽ làm cho năng lực đó trở thành hiện thực10.

2.2.4. Sự cần thiết của đổi mới tư duy lập pháp

Trong mối quan hệ biện chứng giữa tư duy và tồn tại, khi tồn tại xã hội thay đổi nhanh chóng đặt ra nhiều yêu cầu bức thiết đối với hệ thống thể chế thì đổi mới tư duy lập pháp phải trở thành vấn đề quan trọng hàng đầu trong các ưu tiên chính trị của giai đoạn này. Các công nghệ đột phá do cuộc CMCN 4.0 mang lại đã tạo điều kiện để các quốc gia ứng phó và xử lý hiệu quả hơn với nhiều thách thức, rủi ro an ninh, như dịch bệnh, khủng bố quốc tế, thảm họa tự nhiên. Cuộc CMCN 4.0 đã tạo ra một cuộc tranh đua về công nghệ hết sức khốc liệt giữa các quốc gia, gây hệ lụy bất ổn đối với an ninh - chính trị toàn cầu và thúc đẩy cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc [4].

Tại Việt Nam, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số tạo ra mô hình mới, lực lượng lao động mới, nhanh chóng, bùng nổ… khiến khuôn khổ thể chế truyền thống không còn phù hợp, mà nếu duy trì sẽ kìm hãm phát triển. Thể chế cho các hoạt động kinh tế số, kinh tế chia sẻ, đổi mới sáng tạo chưa được hình thành đồng bộ; chưa có hành lang pháp lý cho thí điểm triển khai áp dụng các sản phẩm, mô hình kinh doanh, dịch vụ mới của CMCN 4.0. Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu chủ động; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Thời gian qua, Quốc hội đã chủ động, sáng tạo, nhạy bén trong việc nắm bắt xu hướng phát triển của đất nước, thế giới để đề xuất những chính sách, pháp luật phù hợp; tập trung vào những vấn đề trọng tâm, cấp bách, có tính chất đột phá, tạo động lực phát triển; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội, khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân [4]. Tuy nhiên, nhận thức về pháp luật, chủ thể của hoạt động lập pháp, quy trình lập pháp chưa hiệu quả (một số giai đoạn tiến hành chưa thực chất), cách tiếp cận về hoạt động lập pháp chưa rõ ràng về mô hình, ngân sách của hoạt động lập pháp chưa đủ so với yêu cầu của công việc, kiểm soát hoạt động lập pháp chưa hiệu quả. Trong khi kinh nghiệm lập pháp của Việt Nam phản ánh những tư duy chưa hợp lý, cần sớm đổi mới thì ở một số quốc gia có nền lập pháp lâu năm, nhiều giá trị lập pháp nên được nghiên cứu một cách khoa học để tiếp thu và học hỏi.

2.3. Nội dung đổi mới tư duy lập pháp

2.3.1. Đổi mới nhận thức về pháp luật (pháp luật theo trường phái pháp luật tự nhiên hay pháp luật theo trường phái thực chứng)

Pháp luật cần tiệm cận những yêu cầu của thực tiễn. Pháp luật phải phản ánh các quy luật khách quan và độc lập đó; đổi mới tư duy lập pháp trước hết cần đổi mới cách suy nghĩ về bản thân pháp luật (kết quả của công tác lập pháp).

Ở nước ta, nội dung cốt lõi của pháp luật cần đáp ứng cuộc CMCN 4.0 là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

2.3.2. Đổi mới tư duy về chủ thể lập pháp (chuyên nghiệp, gồm chủ thể xây dựng chính sách và chủ thể quy phạm hóa chính sách)

Xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản luật là hoạt động khoa học pháp lý chuyên sâu, đồng thời là một nghề đòi hỏi kỹ năng và trình độ chuyên môn rất cao. Do đó, chuyên nghiệp hóa trong xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản luật là bảo đảm giảm thiểu những sai sót trong kỹ thuật lập pháp và bảo đảm việc chuyển tải chính sách thành ngôn ngữ pháp lý chuyên dùng. Theo kinh nghiệm từ Trung Quốc: "Tại Trung Quốc, việc soạn thảo được thực hiện bởi Ủy ban Pháp chế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc tại Văn phòng Pháp chế của Hội đồng Nhà nước. Trong bất kỳ trường hợp nào thì việc soạn thảo cũng do một ban đặc biệt soạn thảo, ban này được thành lập với thành phần là chuyên gia kỹ thuật, công chức chính phủ hàng đầu và chuyên gia pháp lý cho từng dự luật cụ thể. Như vậy tính chuyên nghiệp trong soạn thảo văn bản lập pháp thể hiện ngay công tác lựa chọn chuyên gia pháp lý hàng đầu có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn sâu phù hợp" [5]. Nhiều quốc gia khác trên thế giới như: Hoa Kỳ, Canada cũng tư duy tương tự Trung Quốc về chủ thể lập pháp. Do vậy, để có sự chuyển biến tích cực về kết quả lập pháp thì một trong những đổi mới tư duy về công tác này cần chuyển sang tư tưởng mới về chuyên nghiệp hoá chủ thể lập pháp.

2.3.3. Đổi mới quy trình lập pháp (quy trình ngắn gọn nhưng bảo đảm sự tham gia của các chủ thể trong xã hội và mang đến tính hiệu quả, chất lượng của xây dựng luật)

Lập pháp luôn là vấn đề quan trọng của mỗi quốc gia, hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ sẽ đưa đất nước phát triển bền vững và ổn định. Vì vậy, Việt Nam đã không ngừng xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật đầy đủ và toàn diện để điều chỉnh nhiều mối quan hệ trong xã hội. Tuy nhiên, sau hơn 30 năm đổi mới, một số vấn đề trong tư duy lập pháp đã không còn phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, việc tiếp tục đổi mới tư duy, quy trình lập pháp phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội hiện nay và đúng với mục tiêu, bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Kỷ nguyên mới [6].

Tư tưởng mới về quy trình lập pháp cần hướng đến thiết kế ngắn gọn với 2 giai đoạn lớn: xây dựng chính sách và quy phạm hoá chính sách (soạn thảo). Đồng thời, chú trọng vào giai đoạn xây dựng chính sách (đặc biệt là phân tích chính sách/đánh giá tác động chính sách). Kinh nghiệm của Canada coi phân tích chính sách chiếm tới 3/4 của quy trình lập pháp, thời gian còn lại họ tập trung soạn thảo và công bố văn bản [7] bởi đây là công đoạn tìm kiếm những thông tin về nhu cầu, đòi hỏi của cuộc sống đối với lập pháp.

2.3.4. Đổi mới phương pháp tiếp cận về lập pháp

Trên thế giới có hai mô hình tiếp cận về lập pháp: theo mô hình top - down - chỉ đạo từ giới cầm quyền và mô hình down - top - từ thực tiễn cuộc sống, được giới cầm quyền thông qua. Tư duy về lập pháp của Việt Nam hiện nay theo mô hình xuất phát từ thực tiễn cuộc sống và được biểu hiện ở một số phương diện:

Chính phủ căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của mình, trên cơ sở tập hợp sáng kiến pháp luật từ các bộ, cơ quan ngang bộ hình thành chương trình xây dựng pháp luật hàng năm, nhiệm kỳ trình và thực hiện quyền trình sáng kiến lập pháp thông qua chương trình này. Tuy nhiên, nếu Chính phủ không bao quát đầy đủ, chặt chẽ, kịp thời, nhất là vấn đề mới phát sinh để đề xuất sáng kiến lập pháp thì nguy cơ chương trình lập pháp sẽ bị động, khuyết thiếu, chắp vá, nhiều khi là vội vã để giải quyết tình thế. Đây cũng là việc tồn tại trong nhiều nhiệm kỳ dẫn đến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua bị điều chỉnh, bổ sung thường xuyên mặc dù được thẩm tra kỹ lưỡng khi đưa vào chương trình chính thức [8].

Ngoài Chính phủ, có rất ít dự án luật, pháp lệnh có tính chuyên ngành do các cơ quan của Quốc hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chủ thể khác có quyền sáng kiến lập pháp đề xuất đưa vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội được thông qua hàng năm. Điều này cũng xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể sáng kiến lập pháp; từ "tập quán" lập pháp truyền thống của Việt Nam.

Nhìn vào lịch sử lập pháp, kể từ khi Hiến pháp 1980 quy định Đại biểu Quốc hội (ĐBQH) có quyền trình dự án luật, pháp lệnh, đến nay mới chỉ có vài lần ĐBQH thực hiện quyền và chưa một lần thành công. Đó là trường hợp ĐBQH Huỳnh Ngọc Điền trong nhiệm kỳ Khóa VIII trình dự án Luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp và hoa lợi trên đất. Nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XIV, ĐBQH Trần Thị Quốc Khánh trình dự án Luật Hành chính công nhưng "mãi" vẫn trong quá trình soạn thảo… Mới đây, ĐBQH Nguyễn Anh Trí đề xuất xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính. Điều này cho thấy sự kết nối, nắm bắt thực tế cuộc sống của các đại biểu Quốc hội đang là "điểm mù" hoặc có thể xuất phát từ nguyên nhân nguồn lực bảo đảm cho các đại biểu Quốc hội trình sáng kiến lập pháp còn nhiều hạn chế.

Nhìn vào chỉ số tổng quát về kết quả hoạt động lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XIV và nửa đầu nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XV cho thấy: Chính phủ vẫn là cơ quan chủ đạo thực hiện quyền sáng kiến lập pháp, trình các các dự án luật ra Quốc hội xem xét thông qua. Tuy nhiên sáng kiến lập pháp trình dự án mới chiếm tỷ lệ thấp, có xu hướng giảm dần trong khi luật sửa đổi, bổ sung một số điều và luật sửa đổi tăng dần. Đáng lưu ý là một Quốc hội chủ động, đồng hành cùng Chính phủ, gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống, thực tiễn quản lý chủ động "đề nghị" lập pháp – một dạng sáng kiến lập pháp. Từ đó, phối hợp yêu cầu Chính phủ trình đề nghị lập pháp "nóng" giải quyết những vấn đề chưa có tiền lệ, vấn đề cấp bách của cuộc sống, bằng hình thức "nghị quyết chứa đựng quy phạm pháp luật, nghị quyết đặc thù hay thí điểm". Và ở đây hình thức "đề nghị" xây dựng luật, pháp lệnh của các chủ thể có quyền sáng kiến lập pháp từ phía các cơ quan Quốc hội, ĐBQH được phát huy. Đây chính là sáng tạo lập pháp chủ động trong quá trình điều hành của Quốc hội theo sát với cuộc sống.

2.3.5. Đổi mới tư duy về nguồn lực lập pháp (nguồn lực tài chính là chủ yếu, phải là nguồn chi thường xuyên và đủ để thực hiện xây dựng luật, tránh tình trạng làm hình thức ở một số giai đoạn do thiếu ngân sách)

Nhà nước bảo đảm và ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác nghiên cứu chính sách, xây dựng, ban hành, văn bản quy phạm pháp luật.

Nhà nước có cơ chế đặc thù về phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, từng bước thực hiện soạn thảo VBQPPL tập trung, chuyên nghiệp, đáp ứng đầy đủ, kịp thời, hiệu quả toàn bộ hoạt động xây dựng, ban hành VBQPPL. Kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành VBQPPL thực hiện theo cơ chế đặc thù do Quốc hội quy định.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền phải bảo đảm cơ sở vật chất, bố trí kinh phí để tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành VBQPPL.

Ngoài kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL được sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ cơ sở vật chất, kinh phí cho cơ quan nhà nước trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL.

2.3.6. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng luật

Thực tiễn đổi mới luôn vận động, phát triển, đòi hỏi đổi mới không ngừng phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trên cơ sở kiên định các nguyên tắc của Đảng.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 lần đầu tiên quy định: "Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Đảng". Việc luật định này củng cố sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động lập pháp. Tuy nhiên, Đảng cần thực hiện lãnh đạo công tác lập pháp mang tính chiến lược, không nên chỉ đạo các vấn đề cụ thể trong lập pháp. Đảng chỉ thực hiện lãnh đạo mang tính vĩ mô và cần có sự chuyển hoá về tư duy lãnh đạo. Tư tưởng mới về sự lãnh đạo của Đảng trong lập pháp cần dựa trên quá trình nhận thức, lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử được thể hiện qua công tác nghiên cứu, tổng kết lịch sử, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, từ đó đề ra phương pháp, cách thức trong lãnh

đạo, chỉ đạo hoạt động lập pháp ở Việt Nam [9]. Với vị trí và vai trò quan trọng của Đảng ta, đổi mới tư duy lãnh đạo trong công tác lập pháp để Đảng kiểm chứng đường lối lãnh đạo của Đảng, đồng thời nâng cao chất lượng ban hành luật ở Việt Nam hiện nay.

2.3.7. Đổi mới tư duy về kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng luật (cơ chế chịu trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền và cơ chế giám sát xây dựng luật từ các chủ thể khác)

Trong thời gian qua, kiểm soát quyền lực nhà nước trong lập pháp đạt được một số điểm tích cực nhưng cũng tồn tại không ít hạn chế. Cụ thể, công khai, minh bạch, dân chủ trong quy trình xây dựng pháp luật là yêu cầu rất quan trọng cần tuân thủ để bảo đảm các chính sách được hoạch định, soạn thảo khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích chung của đất nước. Song trong quá trình soạn thảo luật, việc lấy ý kiến đối với dự thảo và kể cả đối với đề nghị xây dựng luật nhiều lúc còn mang tính hình thức; chất lượng ý kiến đóng góp chưa cao, nhất là đối với những vấn đề mới, phức tạp, còn nhiều tranh luận.

Vẫn còn trường hợp cơ quan trình dự án luật, pháp lệnh chưa dành thời gian thỏa đáng để hoàn thiện dự thảo trước khi trình Quốc hội. Có trường hợp chỉ xin ý kiến thành viên bằng văn bản nên việc tranh luận, thảo luận bị hạn chế. Một số tài liệu chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng, thấu đáo, nhất là báo cáo đánh giá tác động, báo cáo rà soát thủ tục hành chính, dự thảo văn bản quy định chi tiết…

Trong một số trường hợp, thời gian gửi dự án để thẩm định, thẩm tra bị vi phạm, ảnh hưởng đến chất lượng thẩm tra, thẩm định. Chất lượng các báo cáo thẩm định, thẩm tra chưa đồng đều, nội dung của một số báo cáo còn sơ sài, xuôi chiều, tính phản biện chưa cao, chưa dựa trên lập luận mang tính khoa học nên thiếu tính thuyết phục. Thông thường báo cáo thẩm tra mới chỉ chú ý xem xét tới những vấn đề lớn mà cơ quan trình dự án nêu. Do đó không loại trừ trường hợp có nội dung có biểu hiện "lợi ích nhóm", lợi ích cục bộ không được nêu trong Tờ trình. Nếu báo cáo thẩm tra không chỉ ra được thì sẽ chưa làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho Quốc hội tập trung thảo luận những vấn đề quan trọng của dự án và phát hiện, loại bỏ kịp thời "lợi ích nhóm", lợi ích cục bộ [10].

Khắc phục những hạn chế trên, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã xác định rõ: kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng luật đã đạt được bước tiến đáng kể trong pháp luật nước ta. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã dành Điều 68 quy định về vấn đề này. Quy định này thể hiện sự đổi mới tư duy lập pháp về kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng luật. Cho thấy tư tưởng mới về kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng luật đã hiện thực hoá trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Sự đổi mới này là quá trình rút kinh nghiệm từ thực tiễn lập pháp, xem xét mối quan hệ giữa kiểm soát quyền lực nhà nước và nâng cao chất lượng các văn bản luật. Tuy nhiên, pháp luật cần cụ thể hoá chế tài đối với những hành vi xảy ra tình trạng chậm trễ về tiến độ, chất lượng ban hành văn bản luật.

3. Kết luận

Hiện nay, với sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn, sự phát triển của khoa học công nghệ, bối cảnh thế giới có nhiều biến động, chính là cơ sở thực tiễn để nhìn nhận đánh giá lại hệ thống luật pháp của nước ta trong suốt thời gian qua. So với giai đoạn trước đây, tư duy về xây dựng pháp luật ngày càng được định hình rõ nét hơn. Quá trình lập pháp với quy trình ngày càng được đổi mới, quá trình hoạch định chính sách và quy phạm hoá chính sách ngày càng có tính chuyên nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian tới, đổi mới tư duy lập pháp cần diễn ra quyết liệt hơn để sớm hình thành tư tưởng mới về lập pháp.

Tài liệu tham khảo

[1] *C. Mác và Ph. Ăng-ghen Toàn tập* (1994), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[2] Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, nguồn: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie.

[3] Trần Quốc Toản (2022), *Đổi mới tư duy phát triển để tạo ra sự phát triển bứt phá của đất nước trong giai đoạn mới*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/doi-moi-tu-duy-phat-trien-de-tao-su-phat-trien-but-pha-cua-dat-nuoc-trong-giai-doan-moi.

[4] Nguyễn Tuấn Anh (1922), *Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến thế giới, khu vực và Việt Nam*, nguồn: https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825809/tac-dong-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-den-the-gioi%2C-khu-vuc-va-viet-nam.aspx.

[5] Trần Ngọc Đường (2021), *Hoạt động lập pháp của Quốc hội Khóa XV và định hướng trong giai đoạn mới*, nguồn: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bau-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-va-dai-bieu-hoi-dong-nhan-dan-cac-cap-nhiem-ky-2021-2026/-/2018/821849/hoat-dong-lap-phap-cua-quoc-hoi-khoa-xiv-va-dinh-huong-trong-giai-doan-moi.aspx

[6] Bùi Thu Hằng (2019), *Chuyên nghiệp hóa trong soạn thảo văn bản pháp luật , từ kinh nghiệm quốc tế đến bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, nguồn: https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2499

[7] Lê Anh (2023), *Quy trình, kỹ thuật lập pháp ngày càng đổi mới qua các thời kì*, nguồn: https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=82885

[8] Trần Thị Quyên (2024), *Phân tích chính sách trong hoạt động lập pháp của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm đối với Việt Nam hiện nay*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[9] Thanh Hà, Lê Hùng, Duy Anh, Thái Bình (2023), *Bài 1: Sáng kiến lập pháp, sáng tạo lập pháp*, nguồn: https://daibieunhandan.vn/bai-1-sang-kien-lap-phap-sang-tao-lap-phap-post351768.html, truy cập 15/4/2025.

[10] Nguyễn Quốc Huy (2023), *Tư duy lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực tiễn thời đại*, nguồn: https://ubkttw.vn/danh-muc/nghien-cuu-trao-doi/tu-duy-lanh-dao-cach-mang-cua-dang-cong-san-viet-nam-dap-ung-yeu-cau-thuc-tien-thoi-dai2.html, truy cập 15/4/2025.

[11] Hải Vân, Nguyễn Minh, Bình Nhi (2022), *Bài 1: Kiểm soát quyền lực trong hoạt động lập pháp*, nguồn: https://daibieunhandan.vn/bai-1-kiem-soat-quyen-luc-trong-hoat-dong-lap-phap-post301330.html, truy cập ngày 16/4/2025.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC...

Tiếp theo trang 165

3. Kết luận

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, CĐS trở thành xu hướng tất yếu, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Là cấp học mang tính chuyên sâu, phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển của xã hội, GDĐH đã và đang chịu tác động của xu thế CĐS, thúc đẩy quá trình đổi mới trong GDĐH diễn ra mạnh mẽ và hiệu quả hơn. GDĐH đóng vai trò quan trọng đến đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao, phục vụ mục tiêu phát triển của đất nước. Trong đó, CĐS là biện pháp cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở GDĐH nói chung, GDĐH ngoài công lập nói riêng. Tuy nhiên, quá trình CĐS tại các cơ sở GDĐH ngoài công lập vẫn gặp một số rào cản cần có giải pháp phù hợp để công tác vận hành, quản trị đào tạo đại học hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới. Tuy vậy, khoảng cách về cơ sở hạ tầng, nguồn lực và khoa học - công nghệ là nguyên nhân chính khiến cho các cơ sở GDĐH Việt Nam chưa thể tiến hành CĐS một cách hoàn thiện và đồng bộ. Quá trình quá CĐS muốn diễn ra thành công cần đến các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng như sự quyết tâm của các cấp lãnh đạo, GV và SV để vượt qua những khó khăn, thử thách liên quan đến chính sách, cơ sở vật chất và truyền thông... Vì vậy, tận dụng những cơ hội, đồng thời khắc phục những khó khăn thách thức thì quá trình CĐS trong GDĐH mới diễn ra thuận tiện và hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

[1] Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/ QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

[2] Nguyễn Liên (2023), *Đã có gần 600.000 thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học,* nguồn: https://daibieunhandan.vn, ngày 27/7/2023.

[3] Huyền Thanh (2023), *Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng mô hình đại học Công an nhân dân thông minh,* nguồn: https://cand.com.vn, ngày 19/11/2023.

[4] PV (2023), *Bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, giảng viên các đơn vị thuộc Học viện*, nguồn: http://hvcsnd.acomm.vn, ngày 28/9/2023.

[5] Lê Văn Tấn, Phạm Quang Trình (2023), *Triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Quản lí Giáo dục, tháng 5.

[6] Nguyễn Thị Ngọc (2022), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: những cơ hội và thách thức đối với đội ngũ giảng viên*, nguồn: https://congdankhuyenhoc.vn, ngày 16/12/2022.